A.10 Kinh Thập Thượng

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

10. KINH THẬP THƯỢNG Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo, đi đến thành Chiêm-bà và nghỉ đêm trên bờ hồ Già-già. Hôm ấy nhằm ngày rằm, sáng trăng, đức Thế Tôn với đại chúng vây quanh cùng ngồi ngoài trời nói pháp thâu đêm. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: -Hôm nay, ông cùng các thây Tỳ-kheo từ bôn phương tụ họp vê đây, môi người đều tinh cần, bỏ sự ngủ nghỉ, chỉ vì muốn nghe pháp. Ta vì đau lưng cần nghỉ ngơi một chút, ông có the thay Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp cho họ nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời dạy của đức Phật. Thế Tôn xếp tư chiếc y Tăng-già-lê lại, nằm nghiêng về phía bên tay phải, hai chân chồng lên nhau, trông như dáng điệu sư tử chúa. Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với các thầy Tỳ-kheo rằng: Nay tôi nói pháp, lời nói trước sau và giữa đều chơn chánh, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh, quý thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ ky, tôi sẽ vì quý thay mà nói cho! Lúc đó, các thầy Tỳ-kheo vâng lời Tôn giả Xá-lợi-phất, lắng nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các thầy Tỳ-kheo: Có pháp gọi là thập thượng, trừ hết kiết phược ở đời, diệt tận mọi sự khổ đau, đồng thời đưa đến Niết-bàn, đầy đủ năm trăm năm mươi pháp. Bây giờ, tôi sẽ phân biệt, các thầy hãy lắng nghe! Này các Tỳ-kheo, có một pháp có nhiều công nănệ5 có một pháp cần phải tu tập, có một pháp cần phải hiểu biết, có một pháp cân phải diệt trừ, có một pháp làm cho thối thất, có một pháp làm cho tăng trưởng, có một pháp rất khó thấu hiểu, có một pháp cần phải phát sanh, có một pháp cần phải liễu tri, có một pháp cần phải tác chứng. Một pháp có nhiều công năng là như thế nào? Đó là pháp mà đối với các thiện pháp không bao giờ phóng dật. Một pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là pháp thường tự niệm thân. Một pháp cần phải hiểu biết là như thế nào? Đó là pháp hữu lậu xúc. Một pháp cần phải diệt trừ là như thế nào? Đó là pháp ngã mạn. Một pháp làm cho thối thất là như thế nào? Đó là pháp ác. Một pháp làm cho tăng trưởng là như thê nào? Đó là pháp thiện.

166 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Một pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào? Đó là Vô gián định. Một pháp cần được phát sanh là như thế nào? Đó là hữu lậu giải thoát. Một pháp cần phải liễu tri là như thế nào? Đó là các loài chúng sanh đều lấy r9 A Sự ăn uông đê được sanh tôn. Một pháp cần phải tác chứng là như thế nào? Đó là tâm giải thoát. Lại có hai pháp có nhiều công năng, có hai pháp cần phải tu tập, có hai pháp cần phải hiểu biết, có hai pháp cần phải diệt trừ, có hai pháp làm cho thối thất, CÓ hai pháp làm cho tăng trưởng, có hai pháp rát khó thâu hiêu, có hai pháp cân phải phát sanh, có hai pháp cần phải liễu tri, có hai pháp cần phải tác chứng. Hai pháp có nhiều công năng là như thế nào? Đó là biết tàm và biết quý. Hai pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là chỉ và quán. Hai pháp cần phải hiểu biết là như thế nào? Đó là danh và sắc. Hai pháp cần phải diệt trừ là như thế nào? Đó là vô minh và ái. Hai pháp làm cho thối thất là như thế nào? Đó là phá giới và phá kiến. Hai pháp làm cho tăng trưởng là như the nào? Đó là đầy đủ giới và đầy đủ kiến. Hai pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào? Đó là có loại nhân duyên làm cho

chúng sanh sanh cấu uế và có loại nhân duyên làm cho chúng sanh được thanh tịnh. Hai pháp cần được phát sanh là như thế nào? Đó là Tận trí và Vô sanh trí. Hai pháp cần phải liễu tri là như thế nào? Đó là xứ và phi xứ. Hai pháp cần phải tác chứng là như thế nào? Đó là Minh và Giải thoát. Lại có ba pháp có nhiêu công năng, có ba pháp cân phải tu tập, có ba pháp cần phải hiểu biết, có ba pháp cần phải diệt trừ, có ba pháp làm cho thối thất, có ba pháp làm cho tăng trưởng, có ba pháp rất khó thấu hiểu, có ba pháp cần được phát sanh, có ba pháp cân phải liêu tri, có ba pháp cân phải tác chứng. Ba pháp có nhiều công năng là như thế nào? Đó là gần gũi với bạn lành, tai luôn nghe Chánh pháp, các thiện pháp đều thành tựu. Ba pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là ba thứ tam-muội: Không tam- muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội. Ba pháp cần phải hiểu biết là như thế nào? Đó là ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba pháp cần phải diệt trừ là như thế nào? Đó là dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Ba pháp làm cho thối thất là như thế nào? Đó là ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Ba pháp làm cho tăng trưởng là như thế nào? Đó là ba món thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn và vô si thiện căn.

10. KINH THẬP THƯỢNG 167

Ba pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào? Đó là ba pháp khó hiểu: Hiền thánh khó hiểu, nghe pháp khó hiểu và Như Lai khó hiểu. Ba pháp càn được phát sanh là như thế nào? Đó là ba tướng: Tướng chỉ tức, tướng tinh tấn và tướng xả ly. Ba pháp cần phải liễu tri là như thế nào? Đó là xuất ly ba cõi: Thoát ly khỏi Dục giới, thoát ly khỏi sắc giới, cho đến thoát ly khỏi Vô sắc giới và xả ly tất cả pháp hữu vi, đó gọi là chấm dứt. Ba pháp cân phải tác chứng là như thê nào? Đó là Ba minh: Túc mạng trí, Thiên nhãn trí, Lậu tận trí. Này các Tỳ-kheo, đó là ba mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có bôn pháp có nhiêu công năng, có bôn pháp cân phải tu tập, có bôn pháp cần phải hiểu biết, có bốn pháp cần phải diệt trừ, có bốn pháp làm cho thối thất, có bốn pháp làm cho tăng trưởng, có bốn pháp rất khó thấu hiểu, có bốn pháp cần được phát sanh, có bốn pháp cần liễu tri, có bốn pháp cần phải tác chứng. Bôn pháp có nhiêu công năng là như thê nào? Đó là bôn pháp chuyên vận: Sanh ở thủ đô, gần gũi bạn lành, tự mình cẩn thận, gieo trồng gốc lành. Bốn pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là bốn niệm xứ: Vị Tỳ-kheo quán thân trong thân siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. Vị Tỳ-kheo quán thân ngoài thân siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. Vị Tỳ-kheo quán thân nội ngoại thân, siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. về thọ quán, ý quán, pháp quán cũng giống như vậy. Bốn pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là bốn thực: Đoàn thực, xúc thực, niệm thực, thức thực. Bốn pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là bốn thọ: Dục thọ, kiến thọ, giới thọ, ngã thọ. Bốn pháp nào làm cho thối thất? Đó là bốn ách: Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Bốn pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là bốn vô ách: Vô dục ách, vô hữu ách, vô kiến ách, vô vô minh ách. Bốn pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Bốn pháp nào cần được phát sanh? Đó là bốn loại trí: Pháp trí, Vị tri trí, Đẳng trí, và Tha tâm trí. Bốn pháp nào cần phải liễu tri? Đó là bốn biện tài: Tài biện luận về pháp, tài biện luận về nghĩa lý, tài

biện luận về từ ngữ và tài ứng đối.

168 KINH TRƯỜNG A-HÀM

r \ r Bôn pháp nào cân phải tác chứng? Đó là bôn quả Sa-môn: Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Này các Tỳ-kheo5 đó là bốn mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có năm pháp có nhiêu công Ĩ1 có năm pháp cân phải tu tập, có năm pháp cần phải hiêu biết, có năm pháp cân phải diệt trừ, có năm pháp làm cho thối thất, có năm pháp làm cho tăng trưởng, có năm pháp rất khó thấu hiểu, có năm pháp cần được phát sanh, có năm pháp cần phải liễu tri, có năm pháp cần phải tác chứng. Năm pháp nào có nhiều công năng? Đó là năm chi diệt tận: Tin Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, đầy đủ mười hiệu; thân không có tật bệnh, thường an ổn; ngay thẳng, không có dua nịnh, thẳng tiến trên con đường Niết-bàn của Như Lai; chuyên tâm, không loạn động, tụng đọc không hề quên; khéo quán sát sự khởi diệt của các pháp, dùng hạnh của Hiền thánh để diệt tận các gốc khổ. Năm pháp nào cân phải tu tập? Đó là năm căn: Tín căn, tân căn, niệm căn, đinh căn, tuệ căn. Năm pháp nào cân phải hiên biêt? Đó là năm âm: Sác âm, thọ âm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Năm pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là năm triền cái: Tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, điệu hy triền cái, nghi triền cái. Năm pháp nào làm cho thối thất? Đó là năm tâm ngại kiết: Vị Tỳ-kheo nghi Phật, nghi Phật rồi không gần gũi, không gàn gũi rồi không cung kính. Đây là tâm ngại kiết thứ nhất. Lại nữa, vi Tỳ-kheo đối với Pháp, đối với chúng Tăng, đối với giới luật có những hạnh tà vạy, không có những hạnh chơn chánh, làm hạnh nhiễm ô, không gần gũi với giới luật và cũng không cung kính. Đây là bốn tâm ngại kiết. Lại nữa, vi Tỳ-kheo đối với người Phạm hạnh hay sanh tâm ác hại, tâm không ưa thích, đem lời thô ác mạ lỵ. Đây là tâm ngại kiết thứ năm. Năm pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là năm hỷ lớn: Duyệt, niệm, ỷ5 lạc, tịnh. Năm pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là năm giải thoát nhập: Nếu vị Tỳ- kheo nào siêng năng không biếng trễ, thích ở nơi nhàn tinh, một lòng chuyên niệm, những gì chưa hiểu được hiểu, chưa diệt tận được diệt tận, chưa an ổn được an ổn. Những gì là năm? Nếu vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp, hoặc nghe người Phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe Sư trưởng thuyết pháp, vị ấy tư duy quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm được hoan hỷ, được hoan hỷ rồi liền được pháp ái, được pháp ái rồi thân tâm an ổn, thân tâm an ổn rồi được thiền đinh, được thiền định rồi được như thật trí. Đây là giải thoát nhập thứ nhất, ở đây vị Tỳ-kheo nghe pháp rồi hoan hỷ, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ, vì người khác thuyết pháp cũng hoan hỷ5 tư duy phân biệt cũng hoan hỷ và ở nơi pháp được thiên định cũng giông như vậy.

10. KINH THẬP THƯỢNG 169

Năm pháp nào cần được phát sanh? Đó là năm trí đinh của các bậc Hiền thánh: Tu tam-muội, đời nay đời sau đều được an lạc, sanh nội ngoại trí; bậc Hiền thánh không còn ái nhiễm, sanh nội ngoại trí; do sự tu hành của chư Phật và các bậc Hiền thánh mà sanh ra nội ngoại trí; khen ngợi tưởng tịch diệt, độc nhất, không bạn lữ, sanh nội ngoại trí; ở nơi tam-muội, nhất tâm nhập, nhất tâm khởi, sanh nội ngoại trí. Năm pháp nào cần phải liễu tri? Đó là năm chỗ xuất yếu: Vị Tỳ-kheo đối với tham dục khônệ ưa thích,

không nhớ nghĩ, cũng không gần gũi, chỉ nghĩ đến việc xuất ly. Đoi với việc xuất ly, vị ấy siêng năng gần gũi, tâm vị ấy nhu nhuyến vượt ra ngoài sự chi phối của tham dục. Các lậu hoặc nhân nơi tham dục khởi ra cũng xả tận, diệt hết mà được giải thoát. Đây gọi là xuất ly tham dục. Xuất ly về sân nhuế, xuất ly về tật đố, xuất ly về sắc, xuất ly về thân kiến cũng giống như vậy. Năm pháp nào cân phải tác chứng? Đó là năm vô học tụ: Giới vô học tụ, định vô học tụ, tuệ vô học tụ, giải thoát vô học tụ, giải thoát tri kiến vô học tụ. Này các Tỳ-kheo, đó là năm mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có sáu pháp có nhiêu công năng, có sáu pháp cân phải tu tập, có sáu pháp càn phải hiểu biết, có sáu pháp cần phải diệt trừ, có sáu pháp làm cho thối thát, có sáu pháp làm cho tăng trưởng, có sáu pháp rát khó thâu hiêu, có sáu pháp cần được phát sanh, có sáu pháp cần phải liễu tri, có sáu pháp cần phải tác chứng. Sáu pháp nào có nhiêu công năng? Đó là sáu trọng pháp. Nêu vị Tỳ"kheo nào tu tập sáu trọng pháp này, thật đáng kính trọng; ở trong chúng được hòa hợp, không hề có sự tranh tụng, chỉ tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Những gì là sáu? ở đây vị Tỳ-kheo thân thường hành từ, cung kính người Phạm hạnh, giữ lòng nhân ái. Vị ấy gọi là trọng pháp, đáng được kính trọng. Vi ấy, ở trong chúng được hòa hợp, không có sự tranh tụng, tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Lại nữa, vi Tỳ-kheo khẩu thường hành từ; ý thường hành từ; dùng pháp vi để trưởng dưỡng các thức ăn trong bát cho người khác cùng ăn, không phân biệt bỉ thử. Lại nữa, vị Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh của bậc Thánh không hề hủy phạm, không bị nhiễm ô, được người trí ngợi khen là giới hạnh đầy đủ và thành tựu được định ý. Lại nữa, vị Tỳ-kheo thành tựu được sự xuất ly của các bậc Thánh hiên một cách bình đăng, trừ sạch hét các khô não, được chánh kiên và các Phạm hạnh. Vị ấy được gọi là trọng pháp, đáng kính trọng, ở trong chúng được hòa hợp, không có sự tranh tụng, chỉ tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Sáu pháp nào cần phải tu tập? Đó là sáu niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Sáu pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là sáu nội nhập: Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

Sáu pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là sáu ái dục: sắc ái dục, thanh ái dục, hương ái dục, vị ái dục, xúc ải dục, pháp ái dục. Sáu pháp nào làm cho thối thất? Đó là sáu pháp bất kính: Bất kính Phật, bất kính Pháp, bất kính Tăng, bất kính giới, bất kính định, bất kính cha mẹ. Sáu pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là sáu pháp kính: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ. Sáu pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là sáu pháp vô thượng: Kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, niệm vô thượng. Sáu pháp nào cần được phát sanh? Đó là sáu đẳng pháp: ở đây vi Tỳ-kheo mắt thấy sắc không buồn, không vui, trú xả, chuyên niệm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối pháp không vui, không buồn, trú xả chuyên niệm. Sáu pháp nào cần phải liễu tri? Đó là sáu chỗ xuất yếu: Hoặc có vị Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi tu từ tâm lại sanh ra sân nhu&", các vị Tỳ-kheo khác khuyên rằng: "Ông chớ nói như vậy, chớ có hủy báng đức Như Lai, đức Như Lai không bao giờ nói tu từ tâm giải thoát mà lại sanh ra sân nhuế, không bao giờ có việc đó. Phật bảo phải trừ sân nhuế trước, rồi sau được từ tâm." Hoặc có vi Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi

hành bi tâm giải thoát lại sanh ra tâm ghen ghét, hành hỷ tâm giải thoát lại sanh ra tâm phiền muộn, hành xả tâm giải thoát lại sanh ra tâm yêu ghét, hành hạnh vô ngã lại sanh ra tâm nghi hoặc, hành hạnh vô tưởng lại sanh ra các loạn tưởng", cũng giống như vậy. Sáu pháp nào cần phải tác chứng? Đó là sáu pháp thần thông: Chứng Thần túc thông, chứng Thiên nhĩ thông, chứng Tha tâm thông, chứng Túc mạng thông, chứng Thiên nhãn thông, chứng Lậu tận thông. Này các Tỳ-kheo, đó là sáu mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có bảy pháp có nhiêu công năng, có bảy pháp cân phải tu tập, có bảy pháp cần phải hiểu biết, có bảy pháp cần phải diệt trừ, có bảy pháp làm cho thối thát, có bảy pháp làm cho tăng trưởng, có bảy pháp rát khó thâu hiêu, có bảy pháp cần được phát sanh, có bảy pháp cần phải liễu tri, có bảy pháp cần phải tác chứng. Bảy pháp nào có nhiều công năng? Đó là bảy tài: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, huệ tài. Bảy pháp nào cần phải tu tập? Đó là bảy giác ý: ở đây vị Tỳ-kheo tu niệm giác ý, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly. Tu trạch pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu ỷ, tu định, tu xả, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly.

10. KINH THẬP THƯỢNG 171

Bảy pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là bảy chỗ thức trú: Hoặc có loại chúng sanh có bao nhiêu thứ thân, có bay nhiêu thứ tưởng, như trời, người; đây là chỗ thức trú thứ nhất. Lại có loại chúng sanh có nhiều thân mà chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Am lúc mới sanh vê cõi ây; đây là chô thức trú thứ hai. Lại có loại chúng sanh một thân mà có nhiều tưởng, như cõi trời Quang Am; đây là chô.L thức. trú thứ ba. Lại TỈ có loạir chúng sanh một thân có một tưởng, như cõi trời Biên Tịnh; đây là chô thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh trú vào Không Xứ; đây là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở nơi Thức Xứ; đây là chỗ thức tru thứ sáu. Hoặc có chúng sanh không dùng chỗ nào để trụ; đó là chỗ thức trú thứ bảy. Bảy pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là bảy pháp sử: Dục ái sử, hữu ái sử, kiến sử, mạn sử, sân nhuế sử, vô minh sử, nghi sử. Bảy pháp nào làm cho thối thất? Đó là bảy phi pháp: Vi Tỳ-kheo không có chánh tín, không có tàm, không có quý, nghe ít, biếng lười, mau quên, không có trí. Bảy pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là bảy pháp chơn chánh: Vị Tỳ- kheo có tín, có tàm, có quý, nghe nhiêu, không biêng lười, nhớ giỏi, có trí. Bảy pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là bảy thiện pháp chơn chánh: ở đây vi Tỳ-kheo khéo hiểu nghĩa, khéo nghe pháp, khéo biết thời, khéo tri túc, khéo tự nhiếp, khéo tập chúng, khéo phân biệt cho người khác. Bảy pháp nào cần được phát sanh? Đó là bảy tưởng: Bất tịnh tưởng, thực bát tịnh tưởng, nhứt thiêt thê gian bát khả lạc tưởng, tử tưởng, vô thường tưởng, vô thường khổ tưởng, khổ vô ngã tưởng. Bảy pháp nào cân phải liêu tri? Đó là bảy sự siêng năng: Siêng năng hành trì giới luật, siêng năng diệt các tham dục, siêng năng phá các tà kiến, siêng năng với việc đa văn, siêng năng với sự tinh tấn, siêng năng đối với chánh niệm, siêng năng với việc thiền đinh. Bảy pháp nào cần phải tác chứng? Đó là bảy năng lực dứt hết các lậu hoặc: ở dây, vị lậu tận Tỳ-kheo đối với tất cả các khổ nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự lôi cuôn, sự tội lôi và sự thoát ly đêu thây như thực, biêt như thực, xem dục lạc như hầm lửa, như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham đắm nơi dục, tâm không trụ nơi dục, vị lậu tận Tỳ-kheo nghịch thuận quán sát, như thật giác tri. Thấy biết một cách

như thật, các sự tham lam tật đố, ác bất thiện pháp ở thế gian không còn khởi nữa. Tu nhiều, hành nhiều ve tứ niệm xứ, ngũ căn, ngũ lực, thất giác ý và bát chánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó là bảy mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có tám pháp có nhiêu công năng, có tám pháp cân phải tu tập, có tám pháp cân phải hiêu biêt, có tám pháp cân phải diệt trừ, có tám pháp làm cho thôi

thất, có tám pháp làm cho tăng trưởng, có tám pháp rất khó thấu hiểu, có tám pháp cần được phát sanh, có tám pháp cần phải liễu tri, có tám pháp cần phải tác chứng. Tám pháp nào có nhiều công năng? Đó là tám nhân duyên khiến được Phạm hạnh mà được trí tuệ; được Phạm hạnh roi, trí tuệ tăng trưởng. Những gì là tám? ở đây vị Tỳ-kheo nương tựa nơi Thế Tôn, hoặc nương tựa nơi Sư trưởng, hoặc nương tựa nơi người Phạm hạnh trí tuệ, sanh tâm tàm quý, có ái kính. Đó là nhân duyên thứ nhất khiến chưa được Phạm hạnh mà được trí tuệ; được Phạm hạnh rồi, trí tuệ tăng trưởng. Lại nữa vị Tỳ-kheo nương tựa The Tôn, tùy thời thưa hỏi: "Nghía là pháp này thế nào? Ý hướng của pháp này là gi?" Bấy giờ, các vị Tôn trưởng liền vì các vi ấy mà khai diễn những ý nghĩa sâu xa. Đó là nhân duyên thứ hai. Khi đã nghe pháp rồi, thân tâm được an lạc và tịch tinh. Đó là nhân duyên thứ ba, được an lạc và tịch tịnh, không còn đàm luận những việc vô ích, trái với đạo lý. Các vị ấy khi vào trong chúng, hoặc tự thuyết pháp, hoặc mòd người khác thuyết pháp, đều không rời sự yên lặng của Thánh hiền. Đó là nhân duyên thứ tư. Nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, các pháp thâm áo sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý xác thật, Phạm hạnh đầy đủ, nghe rồi nhập tâm, kiến thức không lay chuyển. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập siêng năng, diệt ác, tăng thiện, gắng sức giữ gìn không bỏ sót một pháp nào. Đó là nhân duyên thứ sáu. Dùng trí tuệ để quán sát sự khởi diệt của các pháp, chỗ quy thú của Hiền thánh, có thể diệt hết các khổ não. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán sát năm thọ ấm, quán sát tướng sanh, tướng diệt của các pháp: uĐây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt.,, Đó là nhân duyên thứ tám tuy chưa được Phạm hạnh mà đã được trí tuệ; khi đã được Phạm hạnh rồi thì trí tuệ càng tăng trưởng. Tám pháp nào cần phải tu tập? Đó là tám con đường của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Tám pháp nào cân phải hiêu biêt? Đó là tám thê pháp: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Tám pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là tám tà pháp: Tà kiến, tà trí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Tám pháp nào làm cho thối thất? Đó là tám pháp giải đãi. Sao gọi là tám pháp giải đãi? ở đây vị Tỳ-kheo đi khất thực về không được thức ăn, bèn khởi ra ý nghĩ như vây: "Hôm nay, ta vào làng khát thực không được, thân thê bi mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ chỉ có thể ngủ nghỉ.,, Vị Tỳ-kheo ấy bèn nằm ngủ, không tinh càn nhưng mà những gì chưa đác thì muôn dăc, chưa được thì muôn được, chưa chứng thì muôn chứng. Đó là cách giải đãi thứ nhất.

Vị Tỳ"kheo giải đãi ăn no đủ rồi bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Sáng nay ta vào làng khất thực được nhiều thức ăn no quá, thân thể nặng nề không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ chỉ có ngủ nghí." Vi Tỳ-kheo giải đãi ây bèn đi ngủ, không siêng năng tinh cân nhưng mà những gì chưa đăc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giai đai thư hai s

Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả có làm chút ít công việc, bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "H6m nay ta làm công việc, thân thể uể oải, không thể ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ phải ngủ nghỉ.^, Đó là cách giải đãi thứ ba. Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả sắp sửa làm việc gì, bèn khởi ra ý nghĩ như vây: "Ngày mai ta sẽ làm việc, chác chăn có sự mỏi mệt, hôm nay không nên ngồi thiền hay kinh hành, bây giờ phải ngủ nghi", vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ. Đó là cách giải đãi thứ tư. Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả có đi lại đôi chút, bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Sáng nay ta đi lại, thân thể bị mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ cần phải ngủ nghi." Đó là cách giải đãi thứ năm. Vị Tỳ-kheo giải đãi, hoặc giả sắp đi đâu đó, bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ngày mai ta sẽ đi công việc, chắc chắn có sự mệt mỏi, hôm nay không nên ngồi thiền hoặc kinh hành ma cần phải ngủ nghí." Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ5 không siêng năng tinh cần nhung mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ sáu. Hoặc giả vị Tỳ-kheo gặp phải bệnh hoạn đôi chút, bèn khởi ra ý nghĩ như vây: "Ta bi bệnh nặng, đau nhức vô cùng, không thê nào ngôi thiên hay kinh hành được, cần phải ngủ nghí." Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn tìm chỗ ngủ nghỉ, không siêng năng tinh cần mà những gì chưa đắc lại muốn dắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ bảy. Vị Tỳ-kheo giải đãi, bệrýi đã khỏi rồi mà lại khởi ra ý nghĩ như^vầy: "Ta bị bệnh vừa mới khỏi thân thể còn đau nhức, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, cần phải có sự ngủ nghỉ.,, Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn tìm chỗ ngủ nghỉ, không siêng năng tinh cần nhưng mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ tám. Thế nào là tám pháp làm cho tăng trưởng? Đó là tám pháp không lười biếng. Thế nào là tám pháp tinh tấn? Vi Tỳ-kheo đi vào làng khất thực, khất thực không được, trở vê bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Thân thể của ta hôm nay nhẹ nhàng, ít buồn ngủ, cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành, những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.,^ Do vậy, vi Tỳ-kheo ấy bèn tinh tan. Đó là vị Tỳ-kheo tinh tấn pháp thứ nhất. Khi khất thực đầy đủ, bèn khởi ra ý nghĩ như vày: "Hôm nay ta vào làng khát thực được thức ăn đây đủ, khí lực sung mãn, cân phải tinh

tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng", vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả có làm việc cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ta nay vì sự làm việc phải bỏ bê việc tu hành, bây giờ cần phải tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.” Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả sẽ phải

làm việc cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ngày mai ta sẽ làm việc, việc hành đạo của ta sẽ bị bỏ bê, do đó bây giờ ta can phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chửng sẽ chứng.,, Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả có việc phải đi lại cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Buổi sáng ta có việc đã phải đi, việc hành đạo của ta bi bỏ bê, vậy bây giờ can phải tinh tân tọa thiên, kinh hành đê những gì chưa đăc sẽ được đác, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng." Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vi Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả sắp có việc phải đi lại cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ngày mai ta có việc phải đi lại, sự hành đạo sẽ bị gián đoạn, bây giờ ta cân phải tinh tân tọa thiền, kinh hành đê những gì chưa đắc sẽ được đăc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.” Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vi Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả có bị bệnh hoạn cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ta bi bệnh nặng, có thể chết, bây giờ cần phải tinh tấn để những gì chưa đác sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.^, Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vi Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả khi bệnh vừa thuyên giảm cũng liền khởi ra ý nghĩ như vầy: "Bệnh của ta đã được thuyên giảm đôi phần, nó có thể trở lại trầm trọng làm gián đoạn sự hành đạo của ta, vậy bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.” Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn tọa thiền, kinh hành không giải đãi. Đay là tám pháp tinh tấn. Thế nào là tám pháp rất khó thấu hiểu? Tám pháp bất nhàn, làm chướng ngại việc tu Phạm hạnh. Những gì là tám? Đức Như Lai là bậc Chí Chân xuất hiện ở đời nói ra những pháp sâu mầu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có người đang ở trong cõi địa ngục, là chỗ bất nhàn, không the nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân xuất hiện ở đời, nói ra những pháp sâu mầu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có người đang sanh nhằm trong loài súc sanh,... nga quỷ,... cõi trời Trường Thọ,... chỗ biên địa5 khônệ biết, không nghe được Phật pháp. Những chỗ này là chỗ bất nhàn, không the nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân, Bằng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đen đạo giác ngộ, trong khi đó có những

chúng sanh sanh ở nơi thủ đô mà lại có tà kiến, ôm lòng điên đảo, làm các việc ác? nhất định phải sa vào địa ngục. Chỗ đó là chỗ bất nhàn, không thể nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đen đạo giác ngộ, trong khi đó có chúng sanh ở nơi thủ đô mà lại bi câm ngọng, đui, điếc, không nghe được Chánh pháp. Đấy là chỗ bất nhàn, không thể nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở dòi, không nói những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ nhưng lại CÓ chúng sanh sanh vào nơi thủ đô, các căn đây đủ? có thê lãnh hội lời dạy của Phật nhưng lại không gặp Phật, do đó không tu tập Phạm hạnh được. Đây là tám chỗ bất nhàn. Thê nào là tám pháp cân được phát sanh? Tám điêu giác ngộ của bậc đại nhân, hành đạo thì phải thiểu dục, đa dục không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải tri túc; không biết nhàm chán thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải nhàn tịnh; ưa thích đông đảo ôn ào thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải tự thúc liễm thân tâm; vui đùa cười cợt không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải siêng năng;

biếng nhác trễ lười không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải chuyên niệm; không nhớ, mau quên không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải định ý; tâm ý tán loạn thì không phải là hành đạo. Hành đạo phải có trí tuệ; mê muội ngu si không phải là hành đạo. Thế nào là tám pháp cần phải liễu tri? Đó là tám pháp trừ nhập: Bên trong CÓ cái tưởng vê hữu sác, cái sác bên ngoài được quán tưởng thì có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ nhất. Bên trong có tưởng về hữu sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì không có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ hai. Bên trong có tưởng vê vô sác, cái sác bên ngoài được quán tưởng thì có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ ba. Bên trong có cái tưởng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì không có hạn lượng, hoặc tót hoặc xâu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ tư. Bên trong có tưởng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán là màu xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh. Ví như hoa sen xanh, như lụa Ba-la-nại xanh thuần nhất, màu sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh. Thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ năm. Bên trong có cái tưởng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán là màu vàng, màu sác vàng, ánh sáng vàng, tướng thây vàng, giông như hoa vàng, vải Ba-la-nại, màu sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng. Thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ sáu. Quán nội sắc bênr trong, thây ngoại sác bên ngoài là màu đỏ, màu \săc đỏ, ỉ ánh sáng r đỏ5 tướng thây đỏ. Ví như hoa màu đỏ, như lụa Ba-la-nại đỏ thuân nhát, màu săc đỏ, ánh

sáng đỏ, tướng thấy đỏ, thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ bảy. Quán nội săc bên trong, thây ngoại sác bên ngoài là màu trắng, màu sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng. Ví như hoa màu trắng, như lụa Ba-la-nại trắng thuần nhất, màu sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng, thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ tám. Thế nào là tám pháp cần phải tác chứng? Đó là tám pháp giải thoát: Dùng sắc quán sắc. Ấy là pháp giải thoát thứ nhất. Bên trong có tưởng hữu sắc mà quán sắc bên ngoài. Ẩy là pháp giải thoát thứ hai. Thanh tịnh và giải thoát. Đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, trụ vào Không xứ. Đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt qua Không xứ, trụ vào Thức xứ. Đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt qua Thức xứ, trụ vào Bất dụng xứ. Đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt qua Bất dụng xứ, trụ vào Hữu tưởng vô tưởng xứ. Đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt qua Hữu tưởng vô tưởng xứ, trụ vào Tưởng tri diệt. Đó là pháp giải thoát thứ tám. Này các Tỳ-kheo? đây là tám mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có chín pháp có nhiêu công năng, có chín pháp cân phải tu tập, có chín pháp cần phải hiểu biết, có chín pháp cần phải diệt trừ, có chín pháp làm cho thối thất, có chín pháp làm cho tăng trưởng, có chín pháp rất khó thấu hiểu, có chín pháp cần được phát sanh, có chín pháp cần phải liễu tri, có chín pháp cần phải tác chứng. Thế nào là chín pháp có nhiều công năng? Đó là chín tịnh diệt pháp: Giới tinh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tinh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tinh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục

tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi. Thế nào là chín pháp cần phải tu tập? Đó là chín nguyên nhân của hỷ: Hỷ, ái, duyệt, lạc, đinh, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát. Chín pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là chín cối chúng sanh: Có loại chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như trời, người chẳng hạn. Đây là cõi chúng sanh thứ nhát. Hoặc có loại chúng sanh nhiêu thân mà chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Am lúc mới sanh lên cõi ây. Đây là cõi chúng sanh thứ hai. Hoặc có loại chúng sanh một thân có nhiều tưởng, như trời Quang Âm. Đây là cõi chúng sanh thứ ba. Hoặc có loại chúng sanh một thân một tưởng, như trời Biến Tinh. Đây là cõi chúng sanh thứ tư. Hoặc có loại chúng sanh không có tưởng, không có giác tri, như trời Vô Tưởng. Đây là cõi chúng sanh thứ năm. Hoặc có chúng sanh trụ nơi Không Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ sáu. Hoặc có chúng sanh trụ nơi Thức Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ bảy. Lại có loại chúng sanh trụ nơi Bất Dụng Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ tám. Lại có loại chúng sanh trụ nơi Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ chín.

10. KINH THẬP THƯỢNG 177

Thế nào là chín pháp cần phải diệt trừ? Chín gốc ái: Nhơn ái có tìm cầu, nhơn tìm cầu có lợi danh, nhơn lợi danh có hữu dụng, nhơn hữu dụng có tham dục, nhơn tham dục có say đắm, nhơn say đắm có ganh ghét, nhơn ganh ghét có bảo thít, nhơn bảo thủ mà có cái gọi là "duqc.” Thế nào là chín pháp làm cho thối thất? Chín pháp não hại: Người kia đã, đang và sẽ lăng mạ tôi. Người kia đã, đang và sẽ lăng mạ người mà tôi yêu mến. Người kia đã, đang và sẽ kính mến người mà tôi oán ghét. Thế nào là chín pháp làm cho tăng trưởng? Chín pháp không não hại: Người kia đã lăng mạ tôi; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Người kia đã xâm phạm đến người mà tôi yêu mến; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Người kia đã kính mến người mà tôi oán ghét; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Thế nào là chín pháp rất khó thấu hiểu? Đớ là chín Phạm hạnh: Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín mà không trì giới thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vi Tỳ- kheo vừa có chánh tín, vừa trì giới thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới mà không đa văn thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, vừa có đa văn thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn mà thuyết pháp không được thì Phạm hạnh không đay đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, vừa đa văn, có thê thuyết pháp thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp mà không nuôi dưỡng đồ chúng thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng mà ở trong đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng ở trong đại chúng có thể quảng diễn những pháp ngôn thì Phạm hạnh

mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn mà không đắc Tứ thiền thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại đác Tứ thiền thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại đắc Tứ thiền mà đối với Bát giải thoát không thể nghịch thuận du hành thì Phạm hạnh không đầy đủ. Nếu vi Tỳ-kheo vừa có

chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng ở trong đại chúng có the quảng diễn pháp ngôn, đay đủ Tứ thiền, đoi với Bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng, ở trong đại chúng có thê quảng diên pháp ngôn, đác Tứ thiên, đôi với Bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, song không thể diệt tận các hữu lậu để thành tựu Tâm vô lậu, Tuệ vô lậu giải thoát, dù có tự thân tác chứng ngay trong hiện đời, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, những gì đánệ làm đã làm, không còn bị thọ sanh nữa thì Phạm hạnh vẫn không đầy đủ. Nêu vị Tỳ-kheo vừa có chánh tín vừa trì giới, vừa có thể quảng diễn pháp ngôn, thành tựu Tứ thiền, đối với Bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, xả hết hữu lậu, thành tựu Tâm vô lậu giải thoát, Tuệ vô lậu giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong hiện đời, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập; những gì đáng làm đã làm, không còn thọ báo nữa thì Phạm hạnh mới được đầy đủ hoàn toàn. Thế nào là chín pháp cần được phát sanh? Đó là chín tưởng: Bất tịnh tưởng, quán thực bất tịnh tưởng, nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, tử tưởng, vô thường tưởng, vô thường khổ tưởng, khổ vô ngã tưởng, tận tưởng, vô dục tưởng. Thế nào là chín pháp cần phải liễu tri? Đó là chín di pháp: Nhơn vì khác cõi mà sanh ra cảm xúc khác, nhơn vì cảm xúc khác mà sanh ra cảm thọ khác, nhơn vì cảm thọ khác mà sanh ra tưởng khác, nhơn vì tưởng khác mà sanh ra tập khác, nhơn vì tập khác mà sanh ra dục khác, nhơn vì dục khác mà sanh ra lợi dưỡng khác, nhơn vì lợi dưỡng khác mà sanh ra tìm cầu khác, nhơn vì tìm cầu khác mà sanh ra những phiền não khác, nhơn vì phiền não khác mà sanh ra quả báo khác. Thế nào là chín pháp cần phải tác chứng? Đó là chín pháp diệt tận: Nếu vào Sơ thiền thời thanh liền diệt, vào Nhị thiền thời giác quán liền diệt, vào Tam thiền thời hỷ liền diệt, vào Tứ thiền thời hơi thở ra vào liền diệt, vào Không vô biên xứ thời sắc tưởng liền diệt, vào Thức vô biên xứ thời Không tưởng diệt, vào Vô sở hữu xứ thời Thức tưởng diệt, vào Hữu tưởng vô tưởng xứ thời Vô sở hữu diệt, vào Diệt tận đinh thời tưởng, thọ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây là chín mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có mười pháp có nhiêu công năng, có mười pháp cân phải tu tập, có mười pháp cần phải giác tri, có mười pháp can phải diệt trừ, có mười pháp làm cho thối thất, có mười pháp làm cho tăng trưởng, có mười pháp khó hiểu, có mười pháp cần được phát sanh, có mười pháp cần phải liễu tri, có mười pháp cần phải tác chứng. Thê nào là mười pháp có nhiêu công năng? Đó là mười cứu pháp: Vị Tỳ- kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, nếu có chút ít tội lỗi

đã sanh tâm sợ hãi lớn, bình đẳng học giới, tâm không xiên xẹo. Gặp được thiện tri thức. Nói ra những lời ngay thẳng, có nhiều người đến nghe. Ưa thích tìm

10. KINH THẬP THƯỢNG 179

Cầu những pháp lành, phân bố chẳng tiếc. Những người Phạm hạnh có thi thiết điều gì liền đến trợ giúp, không nệ nhọc mệt, thường làm những điều khó làm5 đồng thời cũng dạy người khác cùng làm. Nghe nhiều, nghe rồi ghi nhớ không hề quên lãng. Siêng năng diệt các pháp ác, làm cho pháp lành được tăng trưởng. Luôn luôn chuyên niệm, không sanh tác tưởng khác, ghi nhớ những hạnh lành căn bản như ở trước mặt. Có đầy đủ trí tuệ, quán sát các pháp sanh diệt được thành tựu. Dùng luật nghi của các bậc Hiền thánh để đoạn trừ cội gốc khổ ải. Thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm tư duy, trong khi thiền định không có sự điệu hy. Thế nào là mười pháp cần phải tu tập? Đó là mười chánh hạnh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí. Thế nào là mười pháp cần phải hiểu biết? Đó là mười sắc nhập: Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập. Thế nào là mười pháp cần phải trừ diệt? Đó là mười tà hạnh: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí. Thế nào là mười pháp làm cho thối thất? Đó là mười ác hạnh, về thân: Sát sanh, trộm cp, tà dâm. Về khâu: Nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dôi, nói thêu dệt. về ý: Tham lam, tật đố, tà kiến. Thế nào là mười pháp làm cho tăng trưởng? Đó là mười hạnh lành: Thân thì không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng thì không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêu dệt. Ý thì không tham lam, không tật đố, không tà kiến. Thế nào là mười pháp rất khó thấu hiểu? Đó là mười Hiền thánh xứ: Vi Tỳ-kheo phải diệt trừ năm chi; thành tựu sáu chi; xả nhất; chánh tứ y; diệt trừ các di đế; cầu chỗ thắng diệu; không lậu tưởng; thân hạnh đã lập; tâm được giải thoát; tuệ được giải thoát. Thế nào là mười pháp được phát sanh? Đó là mười điều khen ngợi: Nếu vị Tỳ-kheo tự mình đã được chánh tín, vì người khác giảng nói sự chánh tín, khen ngợi sự chánh tín của những người khác. Tự mình đã trì giới, vì người khác giảng nói sự trì giới, khen ngợi sự trì giới của những người khác. Tự mình đã thiểu dục, vì người khác giảng nói sự thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục của những người khác. Tự mình đã tri túc, vì người khác giảng nói sự tri túc, khen ngợi sự tri túc của người khác. Tự mình ưa thích nhàn tịnh, vì người khác giảng nói sự nhàn tịnh, lại khen ngợi sự nhàn tinh của người khác. Tự mình đa văn, vì người khác giảng nói lợi ích của sự đa văn, đồng thời khen ngợi sự đa văn của người khác. Tự mình tinh tấn, vì người khác giảng nói sự tinh tấn và khen ngợi sự tinh tấn của người khác. Tự mình đã chuyên niệm, vì người khác giảng nói

180 • KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sự chuyên niệm, lại cũng khen ngợi sự chuyên niệm của người khác. Tự mình được thiền đinh, vì người khác giảng nói thiền định, đồng thời khen ngợi thiền định của người khác. Tự mình được trí tuệ, vì người khác giảng nói trí tuệ, lại cũng khen ngợi người khác đã được trí tuệ. Thế nào là mười pháp cần phải liễu tri? Đó là mười diệt

pháp: Người có chánh kiến có thể diệt trừ được tà kiến, các nhân duyên do tà kiến khởi lên vô số những ác pháp cũng đều trừ diệt hết. Các nhân duyên chánh kiến sanh ra vô số pháp lành đều được thành tựu. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí, có thể diệt trừ hết tà trí, các nhân duyên do tà trí khởi lên vô số các pháp ác thảy đều trừ diệt hết. Các nhân duyên chánh trí khởi lên vô số những thiện pháp đêu được thành tựu. Thê nào là mười pháp cân phải tác chứng? Đó là mười vô học pháp: Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh phương tiện, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí. Này các Tỳ-kheo, đây là một trăm pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đang. Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất được đức Phật ấn khả. Các vị Tỳ-kheo nghe những điều của ngài Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.